

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAO LÃNH
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 83/2024/DS-ST

Ngày: 19-6-2024

V/v “Tranh chấp dân sự - Hợp
đồng tín dụng (vay tài sản)”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa Bà Võ Thị Kim Hoa

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Võ Thị Diệp

Ông Trần Văn Bé Hai

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Huỳnh Trọng Nhân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Trong ngày 19 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 272/2023/TLST- DS ngày 18 tháng 4 năm 2023 về việc “Tranh chấp dân sự - Hợp đồng tín dụng (vay tài sản)” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 108/2024/QĐXXST-DS ngày 13 tháng 3 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số: 152/2024/QĐST-DS ngày 02 tháng 4 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số: 183/2024/QĐST-DS ngày 23 tháng 4 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 232/2024/QĐST-DS ngày 21 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần K.

Địa chỉ: 4 P, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

Đại diện pháp luật ông Trần Ngọc M, chức vụ: Tổng Giám đốc.

Đại diện theo uỷ quyền của ông M là ông Lê Trung V, chức vụ: Phó Tổng giám đốc.

Đại diện theo uỷ quyền của ông V để thực hiện các thủ tục liên quan đến công tác xử lý nợ là ông Đinh Việt Q, chức vụ: Giám đốc phòng xử lý nợ - Ngân hàng TMCP K.

Đại diện theo uỷ quyền của ông V tham gia tố tụng tại Tòa án là ông Trương Phước Đ, chức vụ: Nhân viên xử lý nợ - Phòng xử lý nợ - Ngân hàng TMCP K.

Bị đơn: Ông Trần Chí C, sinh năm 1986

Địa chỉ: Tổ C, Ấp M, xã M, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

(Ông Đ có mặt, ông C vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai tại Tòa án và tại phiên tòa đại diện nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần K là ông Trương Phước Đ trình bày:

Ông Trần Chí C có đến Ngân hàng Thương mại Cổ phần K – Chi nhánh Đ1 (gọi tắt là Ngân hàng K) mở thẻ tín dụng hạn mức 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng) theo Giấy đăng ký phát hành kèm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế K1 số 1686/19/TC/0600-810183 ngày 13/12/2019. Cụ thể như sau:

- Số tiền xin cấp (Hạn mức thẻ tín dụng): 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng); Loại thẻ: J; Lãi suất vay: 22%/năm; Phương thức trả nợ: Theo quy định của Ngân hàng về sản phẩm Thẻ tín dụng quốc tế; Điều kiện áp dụng: Theo quy định của Ngân hàng về sản phẩm Thẻ tín dụng quốc tế; Tài sản bảo đảm: Tín chấp.

Trong các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ của Ngân hàng K thì ngoài nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi thì người sử dụng thẻ phải trả các loại phí như phí chậm trả (3,5%), phí phạt sử dụng vượt hạn mức (0,075%/ngày)

Trong quá trình sử dụng dịch vụ thẻ ông Trần Chí C đã vi phạm hợp đồng. Ngân hàng K đã nhiều lần thông báo, nhắc nhở và ông C cũng đã cam kết nhưng không thực hiện đúng cam kết. Tạm tính đến ngày 11/6/2024, ông Trần Chí C còn phải thanh toán cho Ngân hàng K số tiền cụ thể là:

- Nợ gốc chưa thanh toán: 7.231.727 đồng.
- Lãi chưa thanh toán: 15.044.460 đồng.
- Phạt chậm trả chưa thanh toán: 20.543.436 đồng
- Phí phạt vượt hạn mức: 5.286.868 đồng

Tổng cộng: 48.106.491 đồng.

Ngân hàng K yêu cầu ông Trần Chí C phải thanh toán cho Ngân hàng K tổng số tiền: 48.106.491 đồng và yêu cầu tiếp tục tính lãi, phạt phát sinh từ ngày 12/6/2024 theo thỏa thuận trong Giấy đăng ký phát hành thẻ kèm Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế K1 số 1686/19/TC/0600-810183 ngày 13/12/2019 cho đến ngày thanh toán dứt nợ.

Đối với bị đơn là ông Trần Chí C đã được tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo hòa giải và triệu tập xét xử hợp lệ nhưng không có văn bản ý kiến, không tham gia hòa giải và không có mặt tại phiên tòa sơ thẩm.

**** Các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án:***

Tài liệu, chứng cứ do phía nguyên đơn cung cấp:

- Quyết định số 216/QĐ-HĐQT ngày 09/12/2021 Bổ nhiệm chức danh Tổng giám đốc và là Người đại diện theo pháp luật Ngân hàng TMCP K (Bản photo có đóng dấu treo);

- Quyết định số 21/QĐ-HĐQT ngày 30/6/2023 v/v Tái bổ nhiệm chức vụ đối với ông Lê Trung V (Bản photo có đóng dấu treo);

- Quyết định số 2207/QĐ-HĐQT ngày 01/7/2023 Tái bổ nhiệm chức vụ đối với ông Đinh Việt Q (Bản photo có đóng dấu treo);

- Quyết định 3603/QĐ-NHKL ngày 11/9/2023 v/v Ủy quyền thực hiện các công việc liên quan đến công tác xử lý nợ;

- Quyết định số 3368A/QĐ-NHKL ngày 21/8/2023 (Bản photo có đóng dấu treo);

- Giấy chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu Trần Chí C1 (Bản đối chiếu);

- Quyết định số 40/QĐ-VPĐKĐĐ ngày 01/4/2019 về việc phê duyệt kết quả tuyển dụng công chức (Bản đối chiếu);

- Quyết định số 129/QĐ-VPĐKĐĐ ngày 12/7/2017 về việc phân công nhiệm vụ cán bộ phụ trách và khai thác tài liệu kho lưu trữ hồ sơ địa chính (Bản đối chiếu);

- Đề xuất cấp thẻ tín dụng khách hàng Trần Chí C (Bản đối chiếu);

- Giấy đăng ký phát hành kèm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế K1 (Bản đối chiếu);

- Báo cáo chi tiết quan hệ tín dụng (Bản đối chiếu);

- Sổ quản lý thẻ, pin visa + JCB (Bản đối chiếu);

- Sao kê chi tiết phát sinh số tài khoản 0110574419 (Bản đối chiếu);

- Bảng chấm điểm xếp hạng tín nhiệm khách hàng (Bản đối chiếu);

- Biên bản họp hội đồng tín dụng chi nhánh Đ1 ngày 12/12/2019 (Bản đối chiếu);

- Báo cáo chi tiết quan hệ khách hàng (Bản đối chiếu);

- Bảng kê tính lãi, phí thẻ tín dụng.

Tòa án đã thông báo cho bị đơn là ông Trần Chí C biết đồng thời đã triệu tập các đương sự để được tiếp cận, công khai chứng cứ nhưng bị đơn không đến và cũng không có ý kiến gì đối với chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp cho Tòa án nên đây là tình tiết không cần phải chứng minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật, xét thấy: Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu ông Trần Chí C trả cho Ngân hàng K tổng số tiền (tính đến ngày 11/6/2024) là 48.106.491 đồng đồng và yêu cầu và yêu cầu tiếp tục tính lãi, phạt phát sinh từ ngày 12/6/2024 theo thỏa thuận trong Giấy đăng ký phát hành thẻ kiêm Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế K1 cho đến khi thanh toán xong nợ nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là “Tranh chấp dân sự - Hợp đồng tín dụng (vay tài sản)” theo quy định tại Điều 463 của Bộ luật Dân sự.

[2] Về thẩm quyền, xét thấy: Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản giữa các đương sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn có địa chỉ tại xã M, huyện C, tỉnh Đồng Tháp vụ án nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về tố tụng: Đối với bị đơn là ông Trần Chí C đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa, nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành phiên tòa theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự. Đồng thời, tại phiên tòa đại diện Ngân hàng xác định trong vụ này ngoài số tiền trên thì Ngân hàng không tranh chấp số tiền nào khác và trong vụ án này chỉ liên quan đến các đương sự có tên trên, không liên quan đến đương sự nào khác.

[4] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xét thấy:

Nguyên đơn Ngân hàng TMCP K: yêu cầu ông Trần Chí C phải có nghĩa vụ toàn bộ số nợ gốc, lãi, lãi phạt và các phí phạt theo Hợp đồng tín dụng số 1686/19/TC/0600-810183 ngày 13/12/2019 cho Ngân hàng TMCP K số tiền tạm tính đến ngày 11/6/2024 là: 48.106.491 đồng. Trong đó nợ gốc: 7.231.727 đồng, lãi chưa thanh toán là: 15.044.460 đồng, phí phạt chậm trả chưa thanh toán: 20.543.436 đồng, phí phạt vượt hạn mức: 5.286.868 đồng và yêu cầu tính lãi phát sinh theo thỏa thuận trong Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế K1 cho đến khi thanh toán xong nợ là có căn cứ, bởi lẽ:

Vào ngày 13/12/2019, ông Trần Chí C có đến Ngân hàng K và ký Giấy đề nghị đăng ký phát hành kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế K1. Thỏa thuận như sau: Số tiền xin cấp (hạn mức tín dụng) là 20.000.000 đồng, loại thẻ: JCB Clasic, thời hạn 36 tháng, lãi suất 22%/năm; ngoài nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi thì người sử dụng thẻ còn phải trả các loại phí như phí chậm thanh toán dư nợ tín dụng (3,5% x số tiền chậm trả), phí phạt vượt hạn mức (0,075%/ngày). Tại thời điểm ký kết giao dịch, các bên có đủ năng lực pháp luật, năng lực hành vi dân sự, các bên giao kết hoàn toàn tự nguyện, không ai bị ép buộc, không trái pháp luật, đạo đức xã

hội, tuân thủ các quy định của pháp luật về nội dung và hình thức nên được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Các bên tham gia trong giao dịch này có mọi quyền và nghĩa vụ phát sinh từ hợp đồng đã ký kết nói trên. Căn cứ Điều 117, Điều 463 Bộ luật Dân sự xác định giao dịch dân sự đảm bảo các điều kiện có hiệu lực của hợp đồng và hợp pháp, có giá trị pháp lý.

Xét quá trình thực hiện hợp đồng: Căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn, cùng các tài liệu chứng cứ kèm theo xác định khi đến hạn thanh toán thì ông C đã không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ theo như hai bên đã thỏa thuận ký kết. Cụ thể, ông C đã vi phạm phương thức thanh toán, thời hạn trả nợ theo thỏa thuận, không thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi đến hạn thanh toán mặc dù Ngân hàng đã nhiều lần yêu cầu nhắc nhở về việc trả nợ nhưng ông C vẫn không có thiện chí thực hiện. Tính đến ngày 11/6/2024 thì ông C còn nợ Ngân hàng K vốn gốc là 7.231.727 đồng. Căn cứ Điều 466 Bộ luật dân sự thì ngoài nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi cho Ngân hàng thì ông C còn phải trả các loại phí theo mức lãi suất đã thỏa thuận trong Giấy đăng ký phát hành thẻ kiêm Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế K1 và các quy định về điều kiện sử dụng thẻ của K1.

Xét về yêu cầu tính lãi và các loại phí theo yêu cầu của nguyên đơn: Căn cứ theo Giấy đăng ký phát hành thẻ kiêm Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế K1 ngày 13/12/2019 và Quy định về điều kiện sử dụng thẻ của K1 thì lãi suất thỏa thuận là 22%/năm, phí phạt chậm thanh toán là 3,5%, phí phạt vượt hạn mức là 0,075%/ngày, đây là sự tự nguyện thỏa thuận của các bên và không trái với quy định của pháp luật nên việc nguyên đơn yêu cầu tính lãi và các loại phí trên theo hợp đồng là phù hợp với Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng. Do đó yêu cầu tính lãi và các loại phí tạm tính đến ngày 11/6/2024: lãi chưa thanh toán là: 15.044.460 đồng, phí phạt chậm trả chưa thanh toán: 20.543.436 đồng, phí phạt vượt hạn mức: 5.286.868 đồng là phù hợp nên chấp nhận.

Đồng thời, trong quá trình Tòa án thụ lý vụ án và thu thập chứng cứ, Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng, thể hiện rõ nội dung vụ việc và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn (Ngân hàng), cũng như tài liệu, chứng cứ mà nguyên đơn (Ngân hàng) nộp kèm theo đơn khởi kiện cho bị đơn (ông C). Tuy nhiên, bị đơn (ông C) vẫn không có văn bản ý kiến gửi cho Tòa án cũng như không có ý kiến phản bác, yêu cầu phản tố hay yêu cầu gì khác liên quan đến yêu cầu khởi kiện của phía nguyên đơn (Ngân hàng).

Do đó, việc Ngân hàng TMCP K khởi kiện yêu cầu bị đơn là ông C có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP K số tiền vốn gốc còn nợ là 7.231.727 đồng và số tiền lãi lãi trong hạn là: 15.044.460 đồng, phí phạt chậm trả là: 20.543.436 đồng, phí phạt vượt hạn mức là 5.286.868 đồng (tạm tính đến ngày 11/6/2024), tổng cộng vốn và lãi là 48.106.491 đồng là phù hợp nên chấp nhận.

[5] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần K.

[6] Về án phí:

- Do chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng TMCP K về việc yêu cầu ông C trả số tiền tổng cộng vốn và lãi là 48.106.491 đồng nên ông C phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 2.405.300 đồng, $(48.106.491 \text{ đồng} \times 5\% = 2.405.300 \text{ đồng})$

- Ngân hàng TMCP K không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 941.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000911 ngày 28/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 117, 463, 466 của Bộ luật dân sự;

Điều 91, 95, 98 Luật các Tổ chức tín dụng;

Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án:

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần K (TMCP) K

- Buộc ông Trần Chí C có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần K (TMCP) Kiên Long số tiền 48.106.491 đồng (Bốn mươi tám triệu, một trăm lẻ sáu nghìn, bốn trăm chín mươi một đồng).

Kể từ ngày 12/6/2024 cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận (ghi trong hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ ngày 17/12/2020), nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật.

2. Về án phí:

Ông Trần Chí C phải chịu 2.405.300 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Ngân hàng TMCP K không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 941.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000911 ngày 28/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh.

3. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án; các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKS HCL;
- Toà án Tỉnh;
- CC THADS HCL;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Võ Thị Kim Hoa